

UNIT 2: HOW CAN WE SHOW OUR FEELINGS?

Lesson 19: Numeracy

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh hiểu về biểu diễn và ý nghĩa của số 30.

II. Key vocabulary:

1

One
(Số một)



2

Two
(Số hai)



3

Three
(Số ba)



4

Four
(Số bốn)



II. Key vocabulary:



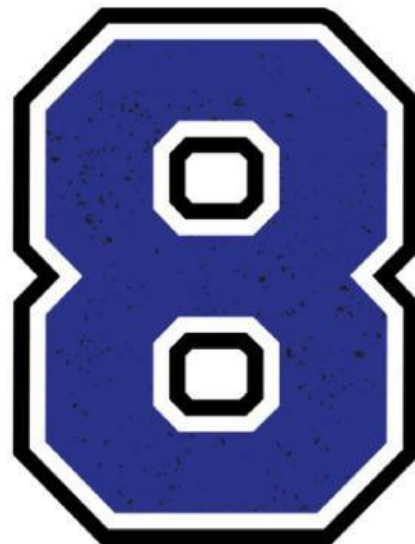
Five
(Số năm)



Six
(Số sáu)



Seven
(Số bảy)



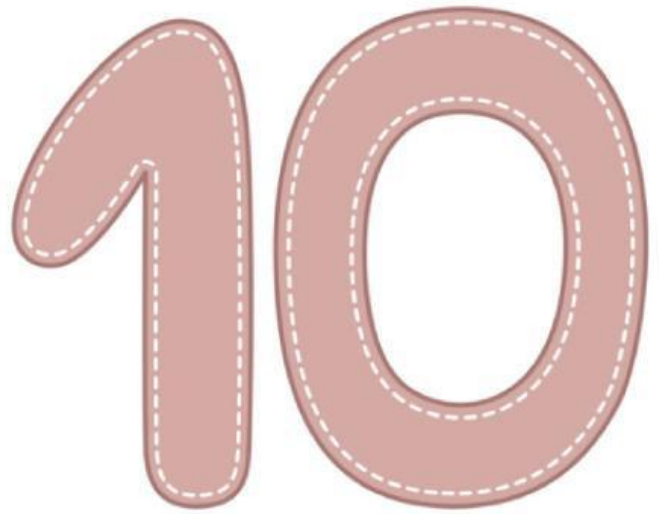
Eight
(Số tám)



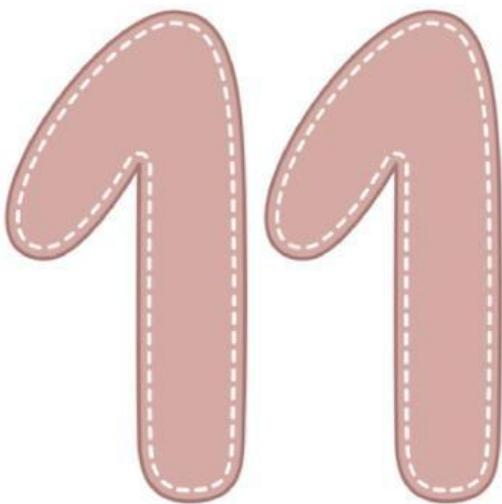
II. Key vocabulary:



Nine
(Số chín)



Ten
(Số mười)



Eleven
(Số mười một)



Twelve
(Số mười hai)



II. Key vocabulary:

13

Thirteen
(Số mười ba)



14

Fourteen
(Số mười bốn)



15

Fifteen
(Số mười lăm)



16

Sixteen
(Số mười sáu)



II. Key vocabulary:

17

Seventeen
(Số mười bảy)



18

Eighteen
(Số mười tám)



19

Nineteen
(Số mười chín)



20

Twenty
(Số hai mươi)



30

Thirty
(Số ba mươi)



III. Key language:



How many (candles) can you see?
Let's count: one, two, three ... twenty... thirty.
Sets of ten. Three sets of ten.

